TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK MIL** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/DS-ST.
Ngày: 13-5-2020.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- ***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mận

Các hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Đợi và bà Hoàng Thị Thanh

- ***Thư ký phiên tòa***: ông Trần Kim Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa: ông Phạm Anh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 220/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N Á – chi nhánh tỉnh L
Địa chỉ: Số 168 P, phường C, thành phố T, tỉnh L

Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Ngọc Tâm

Người đại diện theo ủy quyền: ông Cao Chế L– Chuyên viên quan hệ khách hàng Ngân hàng TMCP N Á – chi nhánh L. (Theo văn bản ủy quyền số 62/2019/UQ-NHNA-06 ngày 03/7/2019) – Có mặt.

- Bị đơn: ông Hoàng Văn D và bà Lăng Thị Đ(Vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn 01, xã R, huyện M, tỉnh N

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 8 năm 2019 và lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm ông Cao Chế L trình bày:

- Vào ngày 23/3/2017 thì ông Hoàng Văn D và bà Lăng Thị Đcó ký hợp đồng tín dụng số 0422/2017/502-CV vay ngân hàng số tiền 430.000.000 đồng; thời hạn vay 60 tháng theo giấy nhận nợ số 01/GNN-0422/2017/502 ngày

23/3/2017, chia ra 05 kỳ trả nợ, lãi suất trong hạn 10,7%/01 năm, lãi suất quá hạn 16,5%/01 năm, mục đích vay vốn là để đầu tư sản xuất nông nghiệp.

Thời hạn trả nợ như sau:

- Ngày 07/4/2018 ông Hoàng Văn D và bà Lăng Thị Đphải trả số tiền 40.000.000 đồng.

- Ngày 07/4/2019 ông Hoàng Văn D và bà Lăng Thị Đphải trả số tiền 60.000.000 đồng.

- Ngày 07/4/2020 ông Hoàng Văn D và bà Lăng Thị Đphải trả số tiền 90.000.000 đồng.

- Ngày 07/4/2021 ông Hoàng Văn D và bà Lăng Thị Đphải trả số tiền 110.000.000 đồng.

- Ngày 07/4/2022 ông Hoàng Văn D và bà Lăng Thị Đphải trả số tiền 130.000.000 đồng.

- Vào ngày 18/4/2018 thì ông Hoàng Văn D và bà Lăng Thị Đtiếp tục ký hợp đồng tín dụng số 0340/2018/502-CV vay ngân hàng số tiền 70.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng theo giấy nhận nợ số 01/GNN-0340/2018/502 ngày 19/4/2018, ngày đến hạn 19/4/2019, lãi suất trong hạn 11%/01 năm, lãi suất quá hạn 16,5%/01 năm, mục đích vay vốn là để đầu tư sản xuất nông nghiệp.

Về tài sản đảm bảo: Ngân hàng TMCP N Á – chi nhánh tỉnh L với ông Hoàng Văn D và bà Lăng Thị Đ đã ký hợp đồng thế chấp tài sản số 0329/2017/502-BĐ ngày 07/4/2017 và hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/SĐ/0329/2017/502-BĐ ngày 18/4/2018 thỏa thuận sử dụng các tài sản gồm: Thửa đất số 115, tờ bản đồ số 79 có diện tích 16647m^2 và tài sản trên đất do ủy ban nhân dân huyện Đăk Mil cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL961066 ngày 12/4/2013 mang tên Hoàng Văn D và bà Lăng Thị Đ, đất tọa lạc tại thôn 01, xã R, huyện M, tỉnh N.

Quá trình thực hiện hợp đồng vào ngày 07/4/2018 thì ông Hoàng Văn D và bà Lăng Thị Đ đã trả cho ngân hàng số tiền gốc là 40.000.000 đồng; Ngày 07/10/2017 ông bà trả cho ngân hàng số tiền lãi 24.043.479 đồng; Ngày 07/4/2018 ông bà trả cho ngân hàng số tiền lãi 382,586 đồng; Ngày 17/4/2018 ông bà trả cho ngân hàng số tiền lãi 24,807,167 đồng; ngày 07/10/2018 ông bà trả cho ngân hàng số tiền lãi 927,158 đồng; (Tổng cộng số tiền lãi mà ông Hoàng Văn D và bà Lăng Thị Đ đã trả cho Ngân hàng Nam Á là 50,160,390 đồng). Khi đến hạn thanh toán tiền gốc ông, bà đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 08/4/2019 đối với hợp đồng tín dụng số 0422/2017/502-CV ngày 23/3/2017 và ông, bà đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 19/4/2019 đối với hợp đồng tín dụng 0340/2018/502-CV ngày 18/4/2018 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng. Nay Ngân hàng TMCP N Á – chi nhánh tỉnh L yêu cầu Tòa án buộc ông Hoàng Văn D và bà Lăng Thị

Đ phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo hợp đồng cho vay trên; tính đến ngày xét xử ngày 13/5/2020 là: 590.637.656 đồng (năm trăm chín mươi triệu sáu trăm ba mươi bảy ngàn sáu trăm năm mươi sáu đồng), trong đó: Nợ gốc là: 460.000.000đồng (Bốn trăm sáu mươi triệu đồng), trong đó hợp đồng tín dụng số 0422/2017/502-CV ngày 23/3/2017 là 390.000.000 đồng; hợp đồng tín dụng số 0340/2018/502-CV ngày 18/4/2018 là 70.000.000 đồng; lãi trong hạn là: 95.606.747 đồng (Chín mươi lăm triệu sáu trăm không sáu ngàn bảy trăm bốn mươi bảy đồng); lãi quá hạn: 35.030.909 đồng (ba mươi lăm triệu không trăm ba mươi ngàn chín trăm lẻ chín đồng). Yêu cầu ông Hoàng Văn D và bà Lăng Thị Đ phải tiếp tục chịu lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng cho đến ngày thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Trong trường hợp bị đơn không thực hiện đúng việc trả nợ thì yêu cầu Tòa án cho kê biên, xử lý phát mãi tài sản thế chấp của ông Hoàng Văn D và bà Lăng Thị Đ để thu hồi nợ.

Theo ý kiến trình bày của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án ông Hoàng Văn D trình bày: Ông thừa nhận vào ngày 23/3/2017 thì ông có vay của ngân hàng TMCP N Á số tiền 430.000.000 đồng; thời hạn vay 60 tháng; sau đó ngày 18/4/2018 thì ông Hoàng Văn D và bà Lăng Thị Đ tiếp tục ký hợp đồng tín dụng số 0340/2018/502-CV vay ngân hàng số tiền 70.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay vốn là để đầu tư sản xuất nông nghiệp; khi đến hạn thanh toán thì ông chỉ mới trả được cho Ngân hàng số tiền gốc là 40.000.000 đồng, còn số tiền lãi thì ông không nhớ là đã trả cho ngân hàng bao nhiêu hết vì khi đóng tiền ông đã đánh mất hóa đơn. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N Á thì ông thừa nhận nợ và đồng ý trả nợ cho ngân hàng.

2. Đối với bị đơn bà Lăng Thị Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh hoặc có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, người được ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải thanh toán nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, bị đơn phải tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận cho đến khi trả xong toàn bộ nợ, trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

- Về nội dung vụ án: Áp dụng các Điều 317, 318, 322, 323, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự; điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả nợ gốc, lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. **Về tố tụng**:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện

[1.3] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn (ông Hoàng Văn D và bà Lăng Thị Đ) có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 01, xã R, huyện M, tỉnh N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hợp đồng tín dụng:

Ông Hoàng Văn D và bà Lăng Thị Đ vay vốn tại Ngân hàng TMCP N Á – chi nhánh tỉnh L, địa chỉ tại Số 168 Lê Hồng Phong, phường Thành Công, thành phố T, tỉnh L theo Hợp đồng tín dụng số 0422/2017/502-CV cụ thể:

- Số tiền vay: 430.000.000 đồng; ngày giải ngân là ngày 23/3/2017.

- Thời hạn: 60 tháng từ ngày kế tiếp của ngày giải ngân đầu tiên

- Mục đích sử dụng: Đầu tư sản xuất nông nghiệp.

Lãi suất trong hạn 10,7%/01 năm, lãi suất quá hạn 16,5%/01 năm.

Hợp đồng tín dụng số 0340/2018/502-CV ngày 18/4/2018 vay ngân hàng số tiền 70.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng theo giấy nhận nợ số 01/GNN-0340/2018/502 ngày 19/4/2018, ngày đến hạn 19/4/2019, lãi suất trong hạn 11%/01 năm, lãi suất quá hạn 16,5%/01 năm.

Như vậy, việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng vào ngày vào ngày 07/4/2018 ông Hoàng Văn D và bà Lăng Thị Đ đã trả cho ngân hàng số tiền gốc là 40.000.000 đồng; Ngày 07/10/2017 ông bà trả cho ngân hàng số tiền lãi 24.043.479 đồng; Ngày 07/4/2018 ông bà trả cho ngân hàng số tiền lãi 382,586 đồng; Ngày 17/4/2018 ông bà trả cho ngân hàng số tiền lãi 24,807,167 đồng; ngày 07/10/2018 ông bà trả cho ngân hàng số tiền lãi 927,158 đồng; (Tổng cộng số tiền lãi mà ông

Hoàng Văn D và bà Lăng Thị Đ đã trả cho Ngân hàng Nam Á là 50,160,390 đồng), như vậy ông, bà đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với ngân hàng kể từ ngày 07/4/2019. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Hoàng Văn Dóoc thừa nhận có ký 02 hợp đồng tín dụng với Ngân hàng vay số tiền 500.000.000 đồng và đồng ý trả nợ cho ngân hàng. Do đó việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông ông Hoàng Văn D và bà Lăng Thị Đ phải thanh toán toàn bộ số nợ là có căn cứ, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán số nợ gốc là: 460.000.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi triệu đồng).

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về lãi suất, Hội đồng xét xử xét thấy: Nội dung thỏa thuận về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn giữa Ngân hàng với ông Hoàng Văn D và bà Lăng Thị Đ theo hợp đồng tín dụng, đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ là phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc cho vay của các tổ chức tín dụng tại Điều 3, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, phù hợp với các quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ Luật dân sự, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn tính đến ngày xét xử ngày 13/5/2020, cụ thể: lãi trong hạn là: 95.606.747 đồng (Chín mươi lăm triệu sáu trăm lẻ sáu ngàn bảy trăm bốn mươi bảy đồng); lãi quá hạn: 35.030.909 đồng (ba mươi lăm triệu không trăm ba mươi ngàn chín trăm lẻ chín đồng) Ông Hoàng Văn D và bà Lăng Thị Đ phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ kể từ ngày 14/5/2020 cho đến khi trả xong nợ.

[2.2] Đối với tài sản thế chấp:

[2.2.1] Hiệu lực của hợp đồng thế chấp:

Để đảm bảo cho các khoản vay, Ngân hàng TMCP N Á – chi nhánh tỉnh L đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0329/2017/502-BĐ ngày 07/4/2017 và hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/SĐ/0329/2017/502-BĐ ngày 18/4/2018 thỏa thuận sử dụng các tài sản gồm: Thửa đất số 115, tờ bản đồ số 79 có diện tích 16647m^2 do ủy ban nhân dân huyện Đăk Mil cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL961066 ngày 12/4/2013 mang tên Hoàng Văn D và bà Lăng Thị Đ, đất tọa lạc tại thôn 01, xã Đăk Rla, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông cùng các tài sản là công trình xây dựng, vật phụ, hoa lợi, lợi tức và các quyền phát sinh từ tài sản, để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng cho vay số hợp đồng tín dụng số 0422/2017/502-CV ngày 23/3/2017 và hợp đồng tín dụng số 0340/2018/502-CV ngày 18/4/2018. Xét thấy, Hợp đồng thế chấp được lập đúng hình thức, nội dung và có đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định pháp luật nên có hiệu lực pháp luật.

[2.2.2] Về xử lý tài sản thế chấp:

Tại Điều 4 của các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, các bên thỏa thuận về các trường hợp Ngân hàng TMCP N Á – chi nhánh tỉnh L được xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong đó xác định rõ "*…khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ"*

Như vậy, ông Hoàng Văn D và bà Lăng Thị Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo theo nội dung các bên đã thỏa thuận trong các hợp đồng ủy quyền, các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, các văn bản thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên.

3. Đối với bà Lăng Thị Đ mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần (đã tiến hành thông báo, niêm yết theo đúng quy định của pháp luật) nhưng không đến Tòa án làm việc; không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên phải chịu hậu quả về việc không đưa ra chứng cứ để chứng minh theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên toà là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận. Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng nên nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản thế chấp và định giá để xác định tài sản thế chấp mới có căn cứ để xử lý. Do đó bị đơn phải nộp chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá là phù hợp.

5. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chị toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

6. Về chi phí cho việc xem xét, thẩm định giá tài sản là: 7.000.000đ (Bảy triệu đồng). Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng có căn cứ nên ông Hoàng Văn D và bà Lăng Thị Đ phải chịu trách nhiệm về số tiền chi phí cho việc xem xét, thẩm định tài sản.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 266, Điều 273 BLTTDS; Áp dụng Điều 299,Điều 317, Điều 318 Điều 319, điều 320, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của BLDS 2015; Điều 3, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Căn cứ Điều 157, 165 BLTTDS, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;khoản 2 Điều 26 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N Á chi nhánh L đối với bị đơn ông Hoàng Văn D và bà Lăng Thị Đ phải thực hiện hợp đồng tín dụng số 0422/2017 ký ngày 23/3/2017 và hợp đồng tín dụng số 0340/2018 ký ngày 18/4/2018.

Buộc ông Hoàng Văn D và bà Lăng Thị Đ phải trả cho Ngân hàng TMCP N Á – Chi nhánh Đăk Lăk tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13/5/2020) là: 590.637.656 đồng (năm trăm chín mươi triệu sáu trăm ba mươi bảy ngàn sáu trăm năm mươi sáu đồng), trong đó: Nợ gốc là: 460.000.000 đồng; (Bốn trăm sáu mươi triệu đồng), lãi trong hạn là: 95.606.747 đồng (Chín mươi lăm triệu sáu trăm lẻ sáu ngàn bảy trăm bốn mươi bảy đồng), lãi quá hạn: 35.030.909 đồng (ba mươi lăm triệu không trăm ba mươi ngàn chín trăm lẻ chín đồng).

Thời hạn thanh toán: Theo trình tự thủ tục thi hành án Dân sự.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/5/2020) ông Hoàng Văn D và bà Lăng Thị Đ phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về tài sản thế chấp: Trường hợp ông Hoàng Văn D và bà Lăng Thị Đkhông thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP N Á chi nhánh L có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp tại Thửa đất số 115, tờ bản đồ số 79 có diện tích 16647m^2 do ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL961066 ngày 12/4/2013 mang tên Hoàng Văn D và bà Lăng Thị Đ, đất tọa lạc tại thôn 01, xã R, huyện M, tỉnh N, theo hợp đồng thế chấp số 0329/2017 ký ngày 07/7/2017 và số 4546 ký ngày 18/4/2018.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Hoàng Văn D và bà Lăng Thị Đ phải nộp: 27.625.500 đồng (hai mươi bảy triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP N Á, chi nhánh L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.600.000 đồng (Mười hai triệu sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001775 ngày 03/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh N.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản: căn cứ Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự: ông Hoàng Văn D và bà Lăng Thị Đ phải hoàn trả chi phí cho việc xem xét, thẩm định tài sản là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) cho nguyên đơn.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh N;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã L;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Đỗ Thị Mận